

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 395/2022/DS-PT
Ngày: 27/9/2022
V/v: "Tranh chấp chia thừa kế và
đòi quyền sở hữu tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Như Lâm
Các thẩm phán: Ông Vũ Toàn Giang
Ông Vũ Viết Văn

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền – Thẩm tra viên chính
Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn
Thị Ngọc Lan - Kiểm sát viên

Trong ngày 27/9/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm
công khai vụ án dân sự thụ lý số 370/2019/TLPT-DS ngày 02/12/2019 về: "Tranh chấp
chia thừa kế và đòi quyền sở hữu tài sản"

Do bản án dân sự sơ thẩm số 21/2019/DS-ST ngày 29/8/2019 của Tòa án nhân dân
huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 55/2020/QĐ-PT ngày
11/02/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đình Lai; sinh năm: 1977; đăng ký hộ khẩu thường trú:
Thôn 9, xã Cát Quế, huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Lai là Luật sư Đặng Hữu Sơn – công
ty Luật TNHH Trí Hùng và Cộng sự - Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội.

Địa chỉ liên hệ: 60 phố Thái Hà, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, Thành phố Hà
Nội. Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Xiêm; sinh năm: 1969; đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn
9, xã Cát Quế, huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo ủy quyền là bà Trịnh Trang Thanh; sinh năm: 1991; địa chỉ liên
hệ: phòng A905, chung cư Tân Việt, xã Đức Thượng, huyện Hoài Đức, Thành phố Hà
Nội. Vắng mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Xiêm là Luật sư Nguyễn Minh Long
và Luật sư Nguyễn Trung Tiệp – công ty Luật TNHH DRAGON - Đoàn Luật sư thành
phố Hà Nội. Luật sư Long có mặt, Luật sư Tiệp vắng mặt.

Địa chỉ liên hệ: Phòng 6, tầng 14 Tòa nhà Vimexco, đường Phạm Hùng, phường Trung
Hòa, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị Hoa; sinh năm: 1961; Địa chỉ: Thôn 7, xã Phùng Xá, huyện Thạch
Thất, Thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.

- 3.2. Bà Nguyễn Thị Huyền; sinh năm: 1963; Địa chỉ: Thôn 9, xã Cát Quế, huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.
- 3.3. Bà Nguyễn Thị Hoàn; sinh năm: 1964; Địa chỉ: Thôn 8, xã Cát Quế, huyện Hoài Đức, Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.
- 3.4. Bà Nguyễn Thị Thu; sinh năm: 1969; Địa chỉ: Thôn 8, xã Cát Quế, huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.
- 3.5. Bà Nguyễn Thị Thanh; sinh năm: 1972; Địa chỉ: Thôn 8, xã Cát Quế, huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.
- 3.6. Bà Nguyễn Thị Bình; sinh năm: 1975; Địa chỉ: Thôn 9, xã Cát Quế, huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa.
- 3.7. Bà Nguyễn Thị Bé; sinh năm: 1980; Địa chỉ: Thôn 8, xã Cát Quế, huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.
- 3.8. Chị Nguyễn Thị Hạnh; sinh năm: 1988; Địa chỉ: Thôn 9, xã Cát Quế, huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.
- 3.9. Chị Nguyễn Thị Hà; sinh năm: 1991; Địa chỉ: Thôn 7, xã Cát Quế, huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa.
- 3.10. Anh Nguyễn Đình Hiệp; sinh ngày: 18/10/2008; Địa chỉ: Thôn 9, xã Cát Quế, huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa.
- Người đại diện theo pháp luật cho anh Hiệp là bà Nguyễn Thị Xiêm (mẹ đẻ). Có mặt tại phiên tòa.
- 3.11. Bà Lê Thị Hường; sinh năm: 1979.
- 3.12. Anh Nguyễn Đình Nam; sinh năm: 1998.
- 3.13. Anh Nguyễn Đình An; sinh năm: 2002
- 3.14. Chị Nguyễn Thị Nhân; sinh năm: 2004
- Bà Hường, anh Nam, anh An, chị Nhân cùng trú tại: Thôn 9, xã Cát Quế, huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa
- Người đại diện theo pháp luật cho chị Nhân là ông Nguyễn Đình Lai bà Lê Thị Hường (bố mẹ đẻ). Ông Lai có mặt tại phiên tòa.
- 3.15. Ông Nguyễn Đình Kỷ; sinh năm: 1952; Địa chỉ: Thôn 9, xã Cát Quế, huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội. Có mặt tại phiên tòa.
- 3.16. Cụ Trần Thị Con; sinh năm: 1936; Địa chỉ: Đội 12B, xã Dương Liễu, huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa.
- 3.17. Ông Nguyễn Đình Bân; sinh năm: 1955; Địa chỉ: Thôn 9, xã Cát Quế, huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa.
- 3.18 Ông Nguyễn Duy Công; sinh năm: 1973; Địa chỉ: Thôn 9, xã Cát Quế, huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa.
- 3.19. Ông Nguyễn Danh Quang; sinh năm: 1965; Địa chỉ: Thôn 4, xã Cát Quế, huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa.
- 3.20. Bà Dương Thị Đắc; sinh năm: 1950.
- 3.21. Anh Nguyễn Văn Phương; sinh năm: 1973.
- 3.22. Chị Nguyễn Thị Nga; sinh năm: 1982.
- 3.23. Cháu Nguyễn Văn Minh; sinh năm: 2001.

3.24. Cháu Nguyễn Văn Sang; sinh năm: 2003.

3.25. Cháu Nguyễn Thị Hoài Trang; sinh năm: 2004.

Đại diện theo pháp luật cho cháu Minh, cháu Sang, cháu Trang là anh Nguyễn Văn Phương và chị Nguyễn Thị Nga (bố mẹ đẻ của các cháu).

Bà Đắc, anh Phương, chị Nga, cháu Minh, cháu Sang cùng trú tại: Thôn 9, xã Cát Quế, huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa.

3.26. Ủy ban nhân dân huyện Hoài Đức;

Địa chỉ: Thị trấn Tràm Trôi, huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quang Đức – Chức vụ: Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: bà Hồ Thị Na – Chức vụ: Trưởng phòng Tài Nguyên Môi Trường huyện Hoài Đức. Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

3.27. UBND xã Cát Quế, huyện Hoài Đức;

Địa chỉ: xã Cát Quế, huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Sơn – Chức vụ: Chủ tịch; vắng mặt tại phiên tòa,

3.28. Bà Phạm Thị Lĩnh, sinh năm 1952; Địa chỉ: Thôn 9, xã Cát Quế, huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa.

3.29. Chị Đinh Thị Hương, sinh năm 1992; Địa chỉ: thôn Cát Ngòi, xã Cát Quế, huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội. Vắng mặt tại phiên tòa.

4. Người kháng cáo ông Nguyễn Đình Lai là nguyên đơn và bà Nguyễn Thị Xiêm là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

***Tại đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn là ông Nguyễn Đình Lai trình bày:**

Về huyết thống: Bố ông là Nguyễn Đình Mơ (tên gọi khác Nguyễn Đình Mai) chết năm 2006. Cụ Mơ có hai vợ; vợ cả là cụ Trần Thị Con, cụ Mơ và cụ Con không có con và đã ly hôn. Vợ hai là cụ Lê Thị Nụ (chết năm 2003), cụ Mơ, cụ Nụ sinh đ-ợc 9 ng-ời con gồm: Ông là Nguyễn Đình Lai, ông Nguyễn Đình Hoạch, bà Nguyễn Thị Hoa, bà Nguyễn Thị Huyền, bà Nguyễn Thị Thu, bà Nguyễn Thị Hoạt, bà Nguyễn Thị Thanh, bà Nguyễn Thị Bình, bà Nguyễn Thị Bé. Ông Nguyễn Đình Hoạch chết năm 2013, ông Hoạch có vợ là bà Nguyễn Thị Xiêm. Cụ Mơ và cụ Nụ chết không để lại di chúc.

Về di sản: Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 153496 số vào sổ cấp giấy 01651QSDĐ do UBND huyện Hoài Đức cấp ngày 25/3/1992 đứng tên chủ sử dụng đất cụ Nguyễn Đình Mơ đ-ợc quyền sử dụng 610m² đất (trong đó 360m² đất ở và 250m² đất làm kinh tế gia đình) thửa số 177 tờ bản đồ C-III. Và 404m² đất nông nghiệp đ-ợc giao theo nghị định 64/CP cùng với các thành viên gia đình.

Về đất nông nghiệp: Tiêu chuẩn của bố mẹ ông đ-ợc nhà n-ớc cấp 404m² đất nông nghiệp. Khi nhà n-ớc giao đất, lúc này bố mẹ ông còn sống, ông và bà Bé cùng vợ chồng và các con của ông Hoạch bà Xiêm tổng cộng là 10 ng-ời, mỗi ng-ời đ-ợc cấp 202m², riêng các con của ông Hoạch bà Xiêm cụ thể là chị Hạnh, chị Hà, anh Hoan, anh Hữu mỗi ng-ời đ-ợc cấp 178m², đất rau xanh mỗi ng-ời 24m² gồm ông, ông Hoạch, bà Xiêm, bà Thu, bà Thanh, bà Bình, bà Bé. Xứ đồng Tây Tha diện tích 504m²

hiện nay ông đang quản lý và đã xây nhà ông đã mua của anh Toàn, chị Hạnh 70m² liền kề phần đất này, trên phần đất này ông đã xây 1 ngôi nhà 3 tầng, 2 gian chuồng lợn, 2 gian bếp và t-ờng bao xung quanh.

Xứ đồng Cổ Chày có 3 thửa: Cổ chày 1 diện tích 48m², Cổ chày 2 diện tích 312m², hai thửa đất này bà Xiêm đã bán, cổ chày 3 diện tích 360m²

Xứ đồng Thảm Châu 1 diện tích 605m², thửa đất này hiện bà Xiêm cho ông Bàn thuê trồng b-ởi, diện tích 103m² cấy rau muống, diện tích 103m², thửa này liền với thửa 605m² nên bà Xiêm đã cho ông Bàn thuê trồng b-ởi. Ông đề nghị chia thừa kế theo pháp luật và ông đề nghị đ-ợc chia đất nông nghiệp theo tiêu chuẩn ông đ-ợc h-ởng.

*** *Tại bản tự khai, quá trình tố tụng bà Nguyễn Thị Xiêm là bị đơn trình bày:***

Về huyết thống: Ông Lai trình bày về huyết thông gia đình hoàn toàn đúng bà không bổ sung gì, bà kết hôn với ông Nguyễn Đình Hoạch năm 1986, bà và ông Hoạch sinh được 9 người con gồm: Chị Nguyễn Thị Hạnh, sinh năm 1988, Nguyễn Thị Hà, sinh năm 1991, Nguyễn Đình Hoan, sinh năm 1992 (chết năm 1992), Nguyễn Đình Hữu, sinh năm 1992 (chết năm 1992), Nguyễn Thị Hường, sinh năm 1993 (chết năm 1997), Nguyễn Thị Von, sinh năm 1996 (chết năm 1997), Nguyễn Thị Giang, sinh năm 2008 (chết năm 2009), Nguyễn Thị Nhã, sinh năm 2004 (chết năm 2005), Nguyễn Đình Hiệp, sinh năm 2008. Bà Xiêm, ông Hoạch, có con nuôi tên là Đình Thị Hương, sinh năm 1992; hiện đang ở thôn Cát Ngòi, xã Cát Quế, huyện Hoài Đức, Hà Nội.

Về di sản thừa kế nh- ông Lai trình bày là đúng, toàn bộ tài sản trên đất là của vợ chồng bà xây dựng. Nay ông Lai khởi kiện chia thừa kế theo pháp luật bà đồng ý chia nhưng với điều kiện phần đất ông Lai đang quản lý là đất màu của 10 khẩu (trong đó gia đình bà có 6 khẩu) mỗi khẩu là 48m² = 288m² phải trả cho gia đình bà.

Về ngõ đi của thửa đất 177: Bà kết hôn với ông Hoạch và sinh sống trên thửa đất 117 từ năm 1986 cho đến nay, hộ gia đình bà vẫn sử dụng lối đi chung như hiện tại. Theo trích lục bản đồ của UBND xã Cát Quế quản lý thì lối đi phía Tây Nam thửa đất giáp với đất nhà bà Đắc là không đúng với thực tế. Ông Kỷ cho rằng đã hiến đất hay đổi đất cho bố mẹ chồng bà để được ngõ đi chung rộng như hiện nay là không đúng.

Nay ông Lai khởi kiện chia thừa kế bà đồng ý nhưng bà đề nghị phần đất bà và các con chia phần đất có nhà thờ vì vợ chồng bà tôn tạo, nâng cấp sửa chữa đẹp như hiện nay, còn chia cho ông Lai phần nào bà cũng đồng ý, bà cũng nhất trí với việc đề nghị chia thừa kế đất thổ cư và đất kinh tế gia đình như trong hồ sơ kỹ thuật thửa đất với diện tích 495,6m² đã đo vẽ thực tế.

Về đất nông nghiệp: Tiêu chuẩn của bố mẹ chồng bà đ-ợc nhà n-ớc cấp 404m². Khi cấp đất nông nghiệp lúc này gia đình bà có 6 khẩu gồm bà, ông Hoạch, chị Hà, chị Hạnh, anh Hữu và anh Hoan các con bà chỉ được cấp 178m² đất. Toàn bộ đất nông nghiệp được cấp làm nhiều thửa như ông Lai trình bày, trong đó ông Lai đang quản lý 2 thửa đất ở Tây Tha diện tích 424m² và 75m², phần đất nông nghiệp còn lại bà đang quản lý.

Năm 2009 bà đã bán 360m² đất (2 thửa xứ đồng Cổ Chày) cho ông Quang được 45.000.000 đồng, khi bán bà có làm hợp đồng và sang tên cho ông Quang, ông Quang đã nhận đất, gia đình bà nhận đủ tiền bà nhất trí trừ vào tiêu chuẩn của bà.

Nay ông Lai khởi kiện chia thừa kế và đòi trả lại tiêu chuẩn đất nông nghiệp cho các em chồng, bà đồng ý trả lại theo đúng tiêu chuẩn nhà nước cấp, phần đất nông nghiệp của bố mẹ chồng thì bà đề nghị chia bà và ông Lai mỗi người $\frac{1}{2}$.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Hoa, bà Nguyễn Thị Huyền, bà Nguyễn Thị Hoàn, bà Nguyễn Thị Thu, bà Nguyễn Thị Thanh trình bày:

Về quan hệ huyết thống, di sản thừa kế, tiêu chuẩn được giao đất nông nghiệp như ông Lai trình bày là đúng các bà không bổ sung gì thêm. Các bà đều thông nhất kỷ phần thừa kế được hưởng và tiêu chuẩn đất nông nghiệp các bà tự nguyện cho ông Nguyễn Đình Lai quản lý, sử dụng. Bà Xiêm chuyển nhượng $360m^2$ đất nông nghiệp cho ông Quang năm 2009 các bà nhất trí việc chuyển nhượng và trừ vào tiêu chuẩn của bà Xiêm, không đề nghị xem xét hợp đồng chuyển nhượng giữa bà Xiêm với ông Quang.

Bà Nguyễn Thị Bình trình bày: Về quan hệ huyết thống, di sản thừa kế, tiêu chuẩn được giao đất nông nghiệp như ông Lai trình bày là đúng, bà không bổ sung gì thêm. Kỷ phần thừa kế được hưởng bà tự nguyện cho ông Nguyễn Đình Lai $\frac{1}{2}$, cho bà Nguyễn Thị Xiêm $\frac{1}{2}$. Tiêu chuẩn đất nông nghiệp $178m^2$ của bà và bà xin nhận. Bà Xiêm chuyển nhượng $360m^2$ đất nông nghiệp cho ông Quang năm 2009, các bà nhất trí việc chuyển nhượng và trừ vào tiêu chuẩn của bà Xiêm.

Bà Nguyễn Thị Bé trình bày: Về quan hệ huyết thống, di sản thừa kế, tiêu chuẩn được giao đất nông nghiệp như ông Lai trình bày là đúng, bà không bổ sung gì thêm. Kỷ phần thừa kế được hưởng bà tự nguyện cho ông Nguyễn Đình Lai tiêu chuẩn đất nông nghiệp $178m^2$ của bà và bà xin nhận. Bà Xiêm chuyển nhượng $360m^2$ đất nông nghiệp cho ông Quang năm 2009, các bà nhất trí việc chuyển nhượng và trừ vào tiêu chuẩn của bà Xiêm.

Chị Nguyễn Thị Hạnh (tên gọi khác Hường), chị Nguyễn Thị Hà trình bày: Các chị là con của ông Hoạch bà Xiêm. Di sản thừa kế các chị được hưởng của ông Hoạch các chị tự nguyện cho bà Nguyễn Thị Xiêm quản lý sử dụng. Tiêu chuẩn đất nông nghiệp được giao mỗi người $178m^2$ các chị xin nhận cùng với bà Xiêm.

Ông Nguyễn Đình Kỷ, bà Phạm Thị Linh trình bày: Ông Kỷ là em ruột của cụ Mơ là chú ruột của ông Lai, ông Hoạch. Bà Linh là vợ ông Kỷ.

Khi bố mẹ ông còn sống đã phân chia đất thổ cư cho ông và ông Mơ, ông được chia phía trước, còn phía sau có nhà thờ chia cho ông Mơ, vì ông Mơ là trưởng, phần đất làm lối đi của gia đình ông và gia đình ông Mơ đi chung từ trước cho đến nay. Ông không biết lý do trích lục bản đồ xã lại vẽ phần ngõ đi ngược với ngõ đi hiện tại. Phần ngõ đi này trước đây nhỏ và hẹp, khi làm đường ông đã hiến 1 phần đất để ngõ đi rộng như hiện nay. Nay ông Lai khởi kiện chia thừa kế phần di sản của cụ Mơ, ông không có ý kiến gì, riêng về phần ông hiến đất làm ngõ đi rộng như hiện nay ông chưa yêu cầu lấy lại, khi nào cần thì ông sẽ lấy lại.

Ông Nguyễn Danh Quang trình bày: Năm 2009, ông mua $360m^2$ đất nông nghiệp tại tờ bản đồ số 3 tại xứ đồng Cổ Chày, xã Cát Quế, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội, số tiền 45.000.000 đồng, khi mua hai bên có làm thủ tục và có xác nhận của UBND xã Cát Quế, ông đã giao đủ tiền và nhận đất và sử dụng từ đó đến nay, ông Lai khởi kiện

chia thừa kế đất thổ cư và đất nông nghiệp của cụ Mơ ông không liên quan gì, việc ông mua bán với vợ chồng bà Xiêm đã xong, các bên đã trao tiền và nhận đất.

Cụ Trần Thị Con trình bày: Cụ xây dựng gia đình với cụ Mơ năm 1951, đến năm 1958 thì ly hôn cụ đi xây dựng gia đình với người khác, cụ và cụ Mơ không có con, giữa cụ và cụ Mơ không phát sinh tài sản chung, nay ông Lai khởi kiện chia thừa kế phần di sản của cụ Mơ cụ không có công sức đóng góp nên cụ không yêu cầu và đề nghị Tòa án giải quyết theo qui định của pháp luật.

Ông Nguyễn Duy Công trình bày: Ông là hàng xóm của bà Xiêm, năm 2014 ông có thuê thửa đất ở Cổ Chày của bà Xiêm diện tích 360m², khi thuê hai bên không làm hợp đồng, mỗi năm ông trả 500.000 đồng, thời hạn thuê 5 năm ông đã trả đủ số tiền trên, trên phần đất này ông đang trồng 14 cây táo, 20 cây ổi. Nay ông Lai khởi kiện chia thừa kế đất thổ cư và đất nông nghiệp trong đó có phần đất này, nếu ai được hưởng thửa đất này mà không cho ông thuê thì ông sẽ đánh cây cối đi để trả lại đất, ông không yêu cầu phải thanh toán giá trị cây cối cho ông.

Ông Nguyễn Đình Bân trình bày: Năm 2008, ông có thuê thửa đất ở xứ đồng Thăm Châu của bà Xiêm diện tích 696m², khi thuê hai bên không làm hợp đồng, mỗi năm ông trả 2.000.000 đồng, hai bên không nói thời hạn thuê mà khi nào bà Xiêm cần thì ông sẽ trả, ông đã trả đủ số tiền, trên phần đất này ông đang trồng 42 cây bưởi. Nay ông Lai khởi kiện chia thừa kế đất thổ cư và đất nông nghiệp trong đó có phần đất này, nếu ai được hưởng thửa đất này mà không cho ông thuê thì ông sẽ đánh cây cối đi để trả lại đất, ông không yêu cầu phải thanh toán giá trị cây cối cho ông, ông và người được chia tự thỏa thuận, ông không yêu cầu Tòa án phải giải quyết.

Bà Dương Thị Đắc trình bày: Thửa đất của gia đình bà giáp thửa đất của cụ Mơ và ông Kỷ. Trên đất nhà bà hiện có bà, anh Nguyễn Văn Phương, chị Nguyễn Chi Nga, cháu Nguyễn Văn Minh, cháu Nguyễn Văn Sang, cháu Nguyễn Thị Hoài Trang là con cháu của bà, bà đại diện trình bày như sau. Trước đây gia đình bà có mở ngõ đi trong phần đất của bà giáp thửa đất của cụ Mơ và ông Kỷ, phần ngõ đi này là lối đi riêng của gia đình bà, còn phần ngõ đi của gia đình cụ Mơ và ông Kỷ vẫn đi như hiện tại, sau đó gia đình bà chuyển ngõ đi về phía trước và đã xây tường bao ngăn cách, gia đình bà và gia đình cụ Mơ ông Kỷ không có tranh chấp gì. Nay ông Lai khởi kiện chia thừa kế phần đất của cụ Mơ và trên trích lục bản đồ thể hiện phần ngõ đi giáp phần đất của gia đình bà là không đúng mà do địa chính xã vẽ ngược.

UBND xã Cát Quế đại diện ông Nguyễn Văn Sơn trình bày: Ông là chủ tịch UBND xã Cát Quế từ năm 2015, phần ngõ đi của thửa đất đang tranh chấp giữa ông Lai với bà Xiêm theo bản đồ đo đạc hiện trạng năm 1990 thì ngõ đi của thửa đất thể hiện giáp với thửa đất của bà Đắc, hiện trạng đang sử dụng thể hiện ở phía tây nam của thửa đất. Việc thay đổi này UBND xã cũng không rõ nguyên nhân. Để ổn định tình hình trật tự trị an tại địa phương UBND xã Cát Quế đề nghị giữ nguyên hiện trạng ngõ đi như hiện nay.

Bà Lê Thị Hương trình bày: Bà là vợ của ông Lai là con dâu của cụ Mơ, hiện nay gia đình bà đang ở trên phần đất nông nghiệp mà ông Lai đang khởi kiện chia thừa kế. Để ổn định cuộc sống bà đề nghị Tòa án chia đất nông nghiệp theo tiêu chuẩn của

ông Lai và phần được tặng cho, được thừa kế vào phần đất này nếu thiếu thì lấy chỗ khác, nếu thừa thì gia đình trả lại.

Anh Nguyễn Đình Nam trình bày: Anh là con trai của ông Lai bà Hương, hiện nay anh đang ở trên phần đất nông nghiệp bố anh đang khởi kiện chia thừa kế với bà Xiêm, việc này là của ông Lai bố anh, anh hoàn toàn nhất trí với ý kiến của bố mẹ anh, anh không được cấp đất nông nghiệp nên anh không có ý kiến gì.

Chị Đình Thị Hương trình bày: Chị là con nuôi của ông Hoạch, bà Xiêm, di sản thừa kế được hưởng chị tự nguyện cho bà Xiêm, anh Hiệp.

UBND huyện Hoài Đức: Tòa án đã giao thông báo thụ lý vụ án theo quy định của pháp luật nhưng UBND huyện Hoài Đức không có ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Bản án dân sự sơ thẩm số 21/202019/DSST ngày 29/8/2019 của Tòa án nhân dân Huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội đã xử và quyết định:

1/ Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế và đòi tài sản của ông Nguyễn Đình Lai.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Thu, bà Nguyễn Thị Bé, bà Nguyễn Thị Thanh, bà Nguyễn Thị Bình.

Xác định thời điểm mở thừa kế của cụ Nguyễn Đình Mơ (Nguyễn Đình Mai) năm 2006, cụ Lê Thị Nụ 2003.

Xác định thời điểm mở thừa kế của ông Nguyễn Đình Hoạch năm 2013.

2/ Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Mơ, cụ Nụ gồm; bà Nguyễn Thị Hoa, bà Nguyễn Thị Hoàn, ông Nguyễn Đình Hoạch, bà Nguyễn Thị Thu, bà Nguyễn Thị Thanh, bà Nguyễn Thị Bình, bà Nguyễn Thị Huyền, ông Nguyễn Đình Lai, bà Nguyễn Thị Bé.

3/ Xác định hàng thừa kế của ông Hoạch gồm: Bà Nguyễn Thị Xiêm, chị Nguyễn Thị Hà, chị Nguyễn Thị Hạnh, anh Nguyễn Đình Hiệp.

4/ Xác định anh Nguyễn Đình Hữu, chết năm 1992, anh Nguyễn Đình Hoan chết năm 1992. Hàng thừa kế của anh Hữu, anh Hoan là bà Nguyễn Thị Xiêm, chị Nguyễn Thị Hạnh, chị Nguyễn Thị Hà, anh Nguyễn Đình Hiệp.

5/ Chấp nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Hoa, bà Nguyễn Thị Huyền, bà Nguyễn Thị Thu, bà Nguyễn Thị Hoàn, bà Nguyễn Thị Thanh cho ông Nguyễn Đình Lai ký phần thừa kế được hưởng và tiêu chuẩn đất nông nghiệp.

6/ Chấp nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Bình cho ông Nguyễn Đình Lai $\frac{1}{2}$ di sản thừa kế, cho bà Nguyễn Thị Xiêm $\frac{1}{2}$ di sản thừa kế.

7/ Chấp nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Bé cho ông Nguyễn Đình Lai ký phần thừa kế được hưởng.

8/ Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Hạnh, chị Nguyễn Thị Hà, chị Đình Thị Hương cho bà Nguyễn Thị Xiêm, anh Nguyễn Đình Hiệp ký phần thừa kế được hưởng.

9/ Phân chia cụ thể:

Xác định ngõ đi chung của bà Nguyễn Thị Xiêm, ông Nguyễn Đình Lai đối với thửa đất 177 tờ bản đồ số C-III là 29m².

Giao cho ông Nguyễn Đình Lai quản lý sử dụng diện tích 225m² đất (trong đó 200m² đất thổ c- và 25m² đất kinh tế gia đình) thửa đất số 177 tờ bản đồ số C-III. Địa

chỉ thừa đất: thôn 9 xã Cát Quế, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội và sở hữu các tài sản trên đất gồm t-ờng bao, bể n-ớc diện tích $6,3m^3$, $29,3m^2$ sân gạch, bể n-ớc diện tích $1,5m^3$, $34,9m^2$ nhà cấp 4 (chuồng lợn), 01 cây ổi, 08 cây b- ổi, 01 cây cau, 03 cây hoa mộc. Tổng giá trị tài sản = 1.265.832.000đ.

Giao cho bà Nguyễn Thị Xiêm quản lý $241,6m^2$ đất (trong đó $160 m^2$ đất thổ c- , $81,6m^2$ đất làm kinh tế gia đình). Sở hữu 01 nhà cấp 4 diện tích $63m^2$, $96m^2$ sân gạch, công trình phụ $3,3m^2$, $14,9m^2$ nhà cấp 4 (chuồng lợn), nhà cấp 4 (bếp) diện tích $42,8m^2$, 01 cây hồng xiêm, 01 cây mít. tổng giá trị = 1.174.741.200đ.

Đối trừ, bà Nguyễn Thị Xiêm còn phải thanh toán cho ông Nguyễn Đình Lai số tiền 41.557.000đ.

Chia đất nông nghiệp:

Giao cho ông Nguyễn Đình Lai quản lý sử dụng diện tích đất $504m^2$ tại xứ đồng Tây Tha và giao cho vợ chồng ông Lai, bà H- ồng sở hữu nguyên vật liệu của 01 nhà 2 tầng diện tích $63,5m^2$, nhà cấp 4 làm chăn nuôi diện tích $160,2m^2$, 01 bể n- ớc m- a diện tích $6,1m^3$, 02 gian bếp diện tích $19,6m^2$, sân lát xi măng diện tích $48,2m^2$, 02 cánh cổng sắt, 11 cây b- ổi.

Giao cho bà Nguyễn Thị Xiêm, chị Nguyễn Thị Hạnh, chị Nguyễn Thị Hà quản lý sử dụng $780,4m^2$ đất xứ đồng Thăm Châu. (trong đó chị Hạnh $178m^2$, chị Hà $178m^2$)

Giao cho bà Nguyễn Thị Bình, bà Nguyễn Thị Bé quản lý sử dụng $360m^2$ đất ở xứ đồng Cổ Chày.

Các đ- ợng sự không phải thanh toán cho nhau chênh lệch giá trị về tài sản

Chấp nhận sự tự nguyện các đ- ợng sự không đề nghị hủy hợp đồng chuyển nh- ợng quyền sử dụng đất ngày 19/10/2009 giữa bà Nguyễn Thị Xiêm và ông Nguyễn Danh Quang đối với diện tích $360m^2$ đất nông nghiệp tại xứ đồng Cổ Chày. Buộc ông Quang phải thực hiện việc chuyển nh- ợng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Phân ngõ đi chung của thửa đất 177 và 178 có diện tích $54,5m^2$ chiều rộng 2,20m và 2,16m, chiều dài 16,7m và 16,77m. (có sơ đồ kèm theo)

Buộc ông Nguyễn Đình Bân, ông Nguyễn Duy Công phải tự di dời cây cối, tài sản ra khỏi thửa đất khi chủ sử dụng đất yêu cầu.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm,

Ngày 06/9/2020, bà Nguyễn Thị Xiêm là bị đơn có đơn kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm

Ngày 11/9/2020, ông Nguyễn Đình Lai là nguyên đơn có đơn kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm:

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là Luật sư Đặng Hữu Sơn trình bày ý kiến vẫn giữ nguyên các yêu cầu khởi kiện và trình bày luận cứ để bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn; Luật sư Sơn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét sửa bản án sơ thẩm theo nội dung đơn kháng cáo của ông Nguyễn Đình Lai.

Nguyên đơn là ông Nguyễn Đình Lai trình bày ý kiến thống nhất với ý kiến trình bày của Luật sư Sơn và ông Lai cũng trình bày không đề nghị định giá lại các tài sản đang tranh chấp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là Luật sư Nguyễn Minh Long trình bày ý kiến đề bảo vệ quyền lợi cho bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xét sửa bản án sơ thẩm theo nội dung đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Xiêm.

Bị đơn là Nguyễn Thị Xiêm trình bày ý kiến thống nhất với ý kiến trình bày của Luật sư Long và bà Xiêm cũng trình bày không đề nghị định giá lại các tài sản đang tranh chấp.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ông Nguyễn Đình Kỷ trình bày: Về ngõ đi chung vào phần diện tích đất mà bà Nguyễn Thị Xiêm đang quản lý là đất của gia đình nhà ông, ông không đồng ý sử dụng chung. Về nguồn gốc ngôi nhà cấp 4 và thửa đất số 177 tờ bản đồ số C-III. Địa chỉ thửa đất: thôn 9 xã Cát Quế, huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội là đất của nhà thờ họ của dòng họ Nguyễn nhà ông không phải là di sản thừa kế của ông Nguyễn Đình Mơ (Nguyễn Đình Mai) là anh trai của ông.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Hoa trình bày ý kiến thống nhất với lời trình bày của ông Nguyễn Đình Lai và giữ nguyên các ý kiến đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án không sửa đổi bổ sung gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Huyền trình bày ý kiến thống nhất với lời trình bày của ông Nguyễn Đình Lai và giữ nguyên các ý kiến đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án không sửa đổi bổ sung gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Hoàn trình bày ý kiến thống nhất với lời trình bày của ông Nguyễn Đình Lai và giữ nguyên các ý kiến đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án không sửa đổi bổ sung gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Thanh trình bày ý kiến thống nhất với lời trình bày của ông Nguyễn Đình Lai và giữ nguyên các ý kiến đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án không sửa đổi bổ sung gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Bé trình bày ý kiến thống nhất với lời trình bày của ông Nguyễn Đình Lai và giữ nguyên các ý kiến đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án không sửa đổi bổ sung gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Chị Nguyễn Thị Hạnh trình bày ý kiến thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị Xiêm và giữ nguyên các ý kiến đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án không sửa đổi bổ sung gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và các đương sự tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự tuyên sửa bản án dân sự sơ thẩm số 21/2019/DS-ST ngày 29/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Xét thấy:

1. Về tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm Tòa án cấp phúc thẩm đã tiến hành xem xét thẩm định lại các tài sản có tranh chấp ngày 22/9/2020 và ngày 24/11/2021.

Tại biên bản làm việc ngày 24/11/2021 của Tòa án cấp phúc thẩm với Ủy ban nhân dân xã Cát Quế, huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội thể hiện:

“...Năm 1992 gia đình ông Nguyễn Đình Mơ được UBND huyện Hoài Đức cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B153496 ngày 25/3/1992 với tổng diện tích 610 m², trong đó bao gồm 360m² đất ở, 250m² đất làm kinh tế phụ gia đình. Căn cứ theo bản đồ đo đạc năm 1990 tại UBND xã Cát Quế, thửa đất số 177 có tổng diện tích 520 m², Căn cứ tờ khai của hộ gia đình ông Nguyễn Đình Mơ lưu giữ tại UBND xã Cát Quế có thể hiện 02 thửa đất 10% (chính là đất kinh tế gia đình) cụ thể:

- Ao vườn: thửa 177 – diện tích 160m²

- Tây Tha: thửa 163- diện tích 80m²

Như vậy, thửa 177 tại tờ bản đồ C-III gồm 360m² đất, 160 m² đất làm kinh tế phụ gia đình.

- Năm 1992 hộ gia đình ông Nguyễn Đình Mơ được giao đất nông nghiệp với tổng diện tích 2.030 m² tại các thửa đất số:

- + Thửa đất số 289/5: diện tích 48m² tại xứ đồng Cổ Chày.

- + Thửa đất số 288/1: diện tích 312m² tại xứ đồng Cổ Chày.

- + Thửa đất số 290: diện tích 360m² tại xứ đồng Cổ Chày.

- + + Thửa đất số 137/5: diện tích 605m² tại xứ đồng Thẩn Châu.

- + Thửa đất số 177/1: diện tích 103m² tại xứ đồng Thẩn Châu.

- + Thửa đất số 132b/6: diện tích 103m² tại xứ đồng Thẩn Châu.

- + Thửa đất số 163/1: diện tích 424m² tại khu Tây Tha.

- + Thửa đất số 102/2: diện tích 75m² tại khu Tây Tha.

Tuy nhiên trong sổ địa chính thể hiện 07 thửa với tổng diện tích 1670m² (theo lời khai của bà Xiêm do bà Xiêm đã bán 360m² đất tại Cổ Chày).

Hiện nay gia đình ông Lai đang sử dụng tại xứ đồng Tây Tha gồm 04 thửa:

- Thửa 163/1: diện tích 424m² (đất giao theo ND 64).

- Thửa 163: diện tích 80m² (đất kinh tế phụ gia đình hay còn gọi là đất 10%)

- 70 m² anh Lai mua của ông Toàn (con rể bà My)

- Đối với thửa đất số 102/3 diện tích 75m² tại khu Tây Tha cả hai gia đình nguyên đơn và bị đơn đều trình bày không quản lý, sử dụng. Trên bản đồ đo đạc năm 1990 thửa đất số 102 khu Tây Tha có diện tích 581m².

Như vậy hiện trạng gia đình ông Lai đang sử dụng là (424m² + 80m² + 70m² = 574 m²) so với hiện trạng sử dụng đo đạc là 559,5m² (bị hụt 14,5m²) là do sai số trong quá trình đo đạc và dẫn đạc...”.

Ngày 18/4/2022, Công an huyện Hoài Đức -Thành phố Hà Nội có công văn số 195/CAHD-QLHC về việc xác nhận thông tin trong tàng thư hộ khẩu, nội dung công văn:

“...Qua kiểm tra hồ sơ tàng thư cư trú lưu tại Công an huyện, Công an huyện Hoài Đức không có đủ căn cứ để xác nhận nhân khẩu hộ gia đình ông Nguyễn Đình Mơ vào thời điểm năm 1987 và năm 1992...”.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do Tòa án hai cấp thu thập được thể hiện đất làm kinh tế gia đình có các tên gọi khác là: đất kinh tế phụ gia đình, đất 10%, đất vườn; đất nông nghiệp có các tên gọi khác là: đất trồng lúa, đất màu, đất mạ.

Tại phiên tòa các đương sự trình bày không có khiếu nại thắc mắc gì kết quả định giá; Hội đồng xét xử xét thấy căn cứ biên bản định giá tài sản xác định giá trị cho 01 m² đất ở tại thời điểm định giá là 6.000.000 đồng/ m², đất vườn là 1.700.000 đồng/m², đất nông nghiệp là 972.000 đồng/m².

2. Về hình thức: Bị đơn bà Nguyễn Thị Xiêm và nguyên đơn ông Nguyễn Đình Lai làm đơn kháng cáo trong hạn luật định, đã nộp dự phí kháng cáo về hình thức là hợp lệ.

3. Về nội dung: Xét kháng cáo của các đương sự.

3.1. Về thời hiệu thừa kế: Ngày 24/9/2003 cụ Lê Thị Nụ chết, ngày 25/3/2006 cụ Nguyễn Đình Mơ (tên gọi khác Nguyễn Đình Mai) chết. Theo quy định tại điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015 thì thời hiệu khởi kiện chia thừa kế di sản của cụ Nụ và cụ Mơ (Mai) vẫn trong thời hạn 30 năm. Cho nên, việc khởi kiện của ông Nguyễn Đình Lai là có căn cứ.

3.2. Về hàng thừa kế: Các đương sự thống nhất xác định cụ Mơ, sinh năm 1938 có hai vợ là cụ Trần Thị Con, sinh năm 1936, cụ Mơ và cụ Con không có con và đã ly hôn); vợ hai là cụ Lê Thị Nụ, sinh năm 1940. Cụ Mơ, cụ Nụ sinh được 9 người con gồm:

1. Ông Nguyễn Đình Hoạch, sinh năm 1967, chết ngày 01/5/2013.
2. Bà Nguyễn Thị Hoa, sinh năm 1961.
3. Bà Nguyễn Thị Huyền, sinh năm 1963.
4. Bà Nguyễn Thị Hoàn, sinh năm 1964.
5. Bà Nguyễn Thị Thu, sinh năm 1969.
6. Bà Nguyễn Thị Thanh, sinh năm 1972.
7. Bà Nguyễn Thị Bình, sinh năm 1975.
8. Ông Nguyễn Đình Lai, sinh năm 1977.
9. Bà Nguyễn Thị Bình, sinh năm 1980.

Cụ Mơ, cụ Nụ chết không để lại di chúc nên di sản của hai cụ được chia thừa kế theo pháp luật.

Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Mơ và cụ Nụ gồm: ông Nguyễn Đình Hoạch, bà Nguyễn Thị Hoa, bà Nguyễn Thị Huyền, bà Nguyễn Thị Hoàn, bà Nguyễn Thị Thu, bà Nguyễn Thị Thanh, bà Nguyễn Thị Bình, ông Nguyễn Đình Lai, bà Nguyễn Thị Bé.

Ông Nguyễn Đình Hoạch có vợ bà Nguyễn Thị Xiêm, sinh năm 1969. Ông Hoạch và bà Xiêm có 09 người con gồm: Chị Nguyễn Thị Hạnh, sinh năm 1988, chị Nguyễn Thị Hà, sinh năm 1991, anh Nguyễn Đình Hoan, sinh năm 1992 (chết năm 1992), anh Nguyễn Đình Hữu, sinh năm 1992 (chết năm 1992), chị Nguyễn Thị Hương, sinh năm 1993 (chết năm 1997), chị Nguyễn Thị Von, sinh năm 1996 (chết năm 1997), chị Nguyễn Thị Giang, sinh năm 2008 (chết năm 2009), chị Nguyễn Thị Nhã, sinh năm 2004 (chết năm 2005), chị Nguyễn Đình Hiệp, sinh năm 2008.

Ông Nguyễn Đình Hoạch chết năm 2013 hàng thừa kế thứ nhất của ông Hoạch gồm: Bà Nguyễn Thị Xiêm, chị Nguyễn Thị Hạnh, chị Nguyễn Thị Hà, anh Nguyễn Đình Hiệp. Đối với chị Đình Thị Hương, các đương sự trình bày là con nuôi của ông Hoạch và bà Xiêm và chị Hương có ý kiến di sản thừa kế được hưởng chị tự nguyện cho bà Xiêm, anh Hiệp; Hội đồng xét xử xét thấy chị Hương trình bày việc nhận con nuôi chỉ bằng miệng không có giấy tờ gì, quan hệ giữa chị Hương với vợ chồng ông Hoạch và bà Xiêm không có quan hệ nuôi dưỡng nên chị Hương không thuộc vào hàng thừa kế thứ nhất để hưởng di sản thừa kế của ông Hoạch.

3.3. Về di sản thừa kế: Cụ Mơ có hai vợ là cụ Con và cụ Nụ; quá trình giải quyết vụ án, cụ Con đã có ý kiến cụ và cụ Mơ không có con, giữa cụ và cụ Mơ không phát sinh tài sản chung, nay ông Lai khởi kiện chia thừa kế phần di sản của cụ Mơ cụ không có công sức đóng góp nên cụ không yêu cầu và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Các đương sự trong vụ án này có yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Mơ và cụ Mai để lại là giá trị quyền sử dụng đất ở, giá trị quyền sử dụng đất làm kinh tế gia đình và giá trị quyền sử dụng đất nông nghiệp của cụ Nguyễn Đình Mơ (bố đẻ) và cụ Lê Thị Nụ (mẹ đẻ) để lại. Hai cụ chết không để lại di chúc nên các di sản nêu trên được chia theo quy định pháp luật.

Về yêu cầu chia di sản thừa kế là giá trị đất quyền sử dụng ở và giá trị quyền sử dụng đất làm kinh tế gia đình của các đương sự: Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện Hoài Đức cấp ngày 25/3/1992 đứng tên chủ sử dụng cụ Nguyễn Đình Mơ thừa đất số 177 tờ bản đồ số C-III, diện tích 360m² đất ở và 250m² đất làm kinh tế gia đình; địa chỉ thửa đất: thôn Tam Hợp, xã Cát Quế, huyện Hoài Đức, tỉnh Hà Tây (nay là thôn 9 xã Cát Quế, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội). Theo biên bản xác minh tại Ủy ban nhân xã Cát Quế đất làm kinh tế gia đình (đất 10%) của cụ Nguyễn Đình Mơ gồm có 2 thửa: Ao vườn: thửa 177 – diện tích 160m² hiện nay gia đình bà Xiêm đang quản lý; Tây Tha: thửa 163 - diện tích 80m² hiện nay gia đình ông Lai đang quản lý. Hội đồng xét xử xét thấy di sản của cụ Mơ và cụ Nụ để lại là 360m² đất ở và 240m² đất làm kinh tế gia đình, so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện Hoài Đức cấp ngày 25/3/1992 đứng tên chủ sử dụng cụ Nguyễn Đình Mơ thiếu 10m² đất làm kinh tế gia đình.

Như vậy, tại thửa 177 tại tờ bản đồ C-III gồm có 360m² đất ở, 160 m² đất làm kinh tế gia đình. Do trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện Hoài Đức cấp ngày 25/3/1992 đứng tên chủ sử dụng cụ Nguyễn Đình Mơ không thể hiện vị trí đất ở, vị trí đất làm kinh tế gia đình nên Hội đồng xét xử xác định tỷ lệ các loại đất làm tròn như sau; tỷ lệ đất ở là 69%, tỷ lệ đất làm kinh tế gia đình là 31 % làm tròn và

xem xét việc chia thừa kế di sản của cụ Mơ và cụ Nụ để lại theo tỷ lệ đất nêu trên nên Hội đồng xét xử xét thấy cần phải sửa bản án sơ thẩm ở nội dung này.

Trong quá trình giải quyết vụ án qua đo vẽ thực tế thửa đất 177 diện tích là 504,9m². Theo lời khai của các thừa kế của cụ Mơ và biên bản xác minh, lời khai của các hộ giáp gianh thửa đất đều xác định thửa đất 177 từ trước tới nay vẫn giữ nguyên trạng, không chuyển nhượng, không tranh chấp với ai. Do vậy, Hội đồng xét xử nên có cơ sở công nhận diện tích đất theo đo đạc thực tế 504,9m² trong đó diện tích đất ở là 348,38m², diện tích đất làm kinh tế gia đình là 156,52m².

Đối với diện tích đất mà gia đình ông Nguyễn Đình Lai đang quản lý sử dụng tại khu Tây Tha trong đó có 80m² đất làm kinh tế gia đình là di sản thừa kế của cụ Nguyễn Đình Mơ và cụ Lê Thị Nụ để lại; qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện diện tích đất gia đình ông Lai quản lý sử dụng gồm có: Thửa 163/1: diện tích 424m² (đất giao theo Nghị định 64); thửa 163: diện tích 80m² đất làm kinh tế gia đình; 70 m² đất ông Lai mua của ông Toàn (con rể bà My) tổng diện tích là 574m²; trong quá trình sử dụng đất của gia đình ông Lai không thể hiện vị trí đất nông nghiệp, vị trí đất làm kinh tế gia đình nên Hội đồng xét xử xác định tỷ lệ các loại đất làm tròn như sau; tỷ lệ nông nghiệp là 84%, tỷ lệ đất làm kinh tế gia đình là 16 % làm tròn.

Trong quá trình giải quyết vụ án qua đo vẽ thực tế thì diện tích đất mà gia đình ông Lai đang quản lý sử dụng là 559,5m², bị thiếu 14,5 m². Hội đồng xét xử xét thấy qua các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án việc ông Nguyễn Đình Lai mua 70m² đất của ông Lê Trần Toàn là có thật nên diện tích đất nông nghiệp và đất làm kinh tế gia đình của gia đình ông Lai còn lại là $559,5\text{m}^2 - 70\text{m}^2 = 489,5\text{m}^2$, trong đó diện tích đất nông nghiệp là 411,18m², diện tích đất làm kinh tế gia đình là 78,32m².

Từ những phân tích trên có đủ căn cứ xác định di sản của cụ Nguyễn Đình Mơ và cụ Lê Thị Nụ để lại là giá trị quyền sử dụng 348,38m² đất ở và giá trị quyền sử dụng 234,84 m² đất làm kinh tế phụ gia đình.

Về yêu cầu chia di sản thừa kế là giá trị quyền sử dụng đất nông nghiệp của các đương sự: Hộ gia đình cụ Nguyễn Đình Mơ (tên gọi khác Nguyễn Đình Mai) đ-ợc giao đất nông nghiệp 2 lần.

Lần 1: Năm 1987 hộ gia đình cụ Mơ đ-ợc giao đất nông nghiệp gồm: cụ Nguyễn Đình Mơ, cụ Lê Thị Nụ, ông Nguyễn Đình Hoạch, bà Nguyễn Thị Xiêm, ông Nguyễn Đình Lai, bà Nguyễn Thị Bình, bà Nguyễn Thị Thanh, bà Nguyễn Thị Thu, bà Nguyễn Thị Bé và bà Nguyễn Thị Hoa mỗi khẩu được 24m², tổng cộng là 240m².

Lần 2: Năm 1992 hộ gia đình cụ Mơ được giao đất nông nghiệp gồm: cụ Nguyễn Đình Mơ, cụ Lê Thị Nụ, ông Nguyễn Đình Hoạch, bà Nguyễn Thị Xiêm, ông Nguyễn Đình Lai, bà Nguyễn Thị Bé, bà Nguyễn Thị Bình, chị Nguyễn Thị Hạnh, chị Nguyễn Thị Hà, anh Nguyễn Đình Hoan, anh Nguyễn Đình Hữu, mỗi khẩu được 178m², tổng cộng là 1.958m².

Tổng cộng đất nông nghiệp gia đình cụ Nguyễn Đình Mơ được giao là: $240\text{m}^2 + 1.958\text{m}^2 = 2.198\text{m}^2$. Diện tích đất nông nghiệp qua các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ thể hiện là các xứ đồng như sau:

+ Thửa đất số 289/5: diện tích 48m² tại xứ đồng Cổ Chày.

- + Thửa đất số 288/1: diện tích 312m^2 tại xứ đồng Cổ Chày.
- + Thửa đất số 290: diện tích 360m^2 tại xứ đồng Cổ Chày.
- + Thửa đất số 137/5: diện tích 605m^2 tại xứ đồng Thẩn Châu.
- + Thửa đất số 177/1: diện tích 103m^2 tại xứ đồng Thẩn Châu.
- + Thửa đất số 132b/6: diện tích 103m^2 tại xứ đồng Thẩn Châu.
- + Thửa đất số 163/1: diện tích 424m^2 tại khu Tây Tha.
- + Thửa đất số 102/2: diện tích 75m^2 tại khu Tây Tha.

Tổng diện tích đất nông nghiệp được giao là 2.030m^2 so với diện tích được cấp theo tiêu chuẩn là thiếu 168m^2 .

Quá trình sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình cụ Nguyễn Đình Mơ thể hiện: thửa đất số 102/3 diện tích 75m^2 tại khu Tây Tha cả hai gia đình nguyên đơn và bị đơn đều trình bày không quản lý, sử dụng; trên bản đồ đo đạc năm 1990 thửa đất số 102 khu Tây Tha có diện tích 581m^2 thực tế hộ gia đình cụ Mơ không quản lý sử dụng diện tích đất nông nghiệp này; thửa đất số 163/1 có diện tích 424m^2 tại khu Tây Tha như đã lập luận ở trên thực tế sử dụng là $411,18\text{m}^2$; các diện tích đất nông nghiệp còn lại gia đình bà Nguyễn Thị Xiêm đang quản lý sử dụng trong đó có một phần diện tích đất nông nghiệp đã bán cho ông Nguyễn Danh Quang. Thực tế diện tích đất nông nghiệp của hộ gia đình cụ Mơ sử dụng là: $48\text{m}^2 + 312\text{m}^2 + 360\text{m}^2 + 605\text{m}^2 + 103\text{m}^2 + 103\text{m}^2 + 411,18\text{m}^2 = 1.942,18\text{m}^2$. Diện tích đất nông nghiệp thực tế sử dụng so với diện tích được cấp theo tiêu chuẩn là thiếu, được tính tỷ lệ là 88,36 % làm tròn; mỗi khẩu được giao đất nông nghiệp năm 1987 thực tế sử dụng là $24\text{m}^2 \times 88,36\% = 21,206\text{m}^2$; mỗi khẩu được giao đất nông nghiệp năm 1992 thực tế sử dụng là $178\text{m}^2 \times 88,36\% = 157,208\text{m}^2$ làm tròn.

Từ những phân tích trên có đủ căn cứ xác định cụ Nguyễn Đình Mơ và vợ là cụ Lê Thị Nụ được quản lý sử dụng $(21,206\text{m}^2 + 157,208\text{m}^2) \times 2 = 356,828\text{m}^2$ đất nông nghiệp; di sản các cụ Mơ và cụ Nụ để lại là giá trị quyền sử dụng $356,828\text{m}^2$ đất nông nghiệp.

3.4. Về yêu cầu chia thừa kế:

Cụ Mơ và cụ Nụ chết không để lại di chúc, phân chia di sản thừa kế bằng giá trị quyền sử dụng đất là $348,38\text{m}^2$ đất ở, $234,84\text{m}^2$ đất làm kinh tế phụ gia đình và $356,828\text{m}^2$ đất nông nghiệp cho các con của cụ Mơ và cụ Nụ theo pháp luật.

Mặc dù thời điểm mở thừa kế của hai cụ là khác nhau, nhưng hàng thừa kế thứ nhất của các cụ và tổng di sản thừa kế của cụ Mơ và cụ Nụ không thay đổi nên tổng hợp di sản chung của hai cụ phân chia cùng một lần như Tòa án cấp sơ thẩm đã phân chia không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của những người được hưởng di sản thừa kế của cụ Mơ, cụ Nụ để lại.

Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Mơ và cụ Nụ gồm có: ông Nguyễn Đình Hoạch, bà Nguyễn Thị Hoa, bà Nguyễn Thị Huyền, bà Nguyễn Thị Hoàn, bà Nguyễn Thị Thu, bà Nguyễn Thị Thanh, bà Nguyễn Thị Bình, ông Nguyễn Đình Lai, bà Nguyễn Thị Bé. Do ông Hoạch chết ngày 01/5/2013 nên người thừa kế là bà Nguyễn Thị Xiêm (là vợ) và các con là chị Nguyễn Thị Hà, chị Nguyễn Thị Hạnh, anh Nguyễn Đình Hiệp.

Về công sức đóng góp, duy tu, quản lý di sản của người quản lý di sản trên cơ sở quy định tại Điều 618 Bộ luật Dân sự 2015, Án lệ số 05/2016/AL; căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ qua các lời trình bày của đương sự ông Hoạch và vợ là bà Xiêm là những người trực tiếp quản lý, xây dựng, sửa chữa, tôn tạo các di sản thừa kế của cụ Mơ, cụ Nụ nên tính ông Nguyễn Đình Hoạch và bà Nguyễn Thị Xiêm là hợp lý, hợp tình; Hội đồng xét xử xem xét tính bằng hai phần kỷ phần thừa kế.

Theo biên bản định giá ngày 16/5/2019 thì di sản thừa kế của cụ Mơ và cụ Nụ để lại có giá trị:

- Giá trị quyền sử dụng đất ở là: $6.000.000 \text{ đồng/m}^2 \times 348,38\text{m}^2 = 2.090.280.000$ đồng.

- Giá trị quyền sử dụng đất làm kinh tế gia đình là: $1.700.000 \text{ đồng/m}^2 \times 234,84\text{m}^2 = 399.228.000$ đồng.

- Giá trị quyền sử dụng đất nông nghiệp là: $972.000 \text{ đồng/m}^2 \times 356,828\text{m}^2 = 346.836.816$ đồng.

Mỗi một kỷ phần thừa kế được hưởng là:

Giá trị đất ở là: $2.090.280.000 \text{ đồng} : 11 = 190.025.454$ đồng làm tròn.

Giá trị đất làm kinh tế gia đình là: $399.228.000 \text{ đồng} : 11 = 36.293.454$ đồng làm tròn.

Giá trị đất nông nghiệp $346.836.816 \text{ đồng} : 11 = 31.530.620$ đồng làm tròn.

Bà Nguyễn Thị Hoa, bà Nguyễn Thị Huyền, bà Nguyễn Thị Hoàn, bà Nguyễn Thị Thu, bà Nguyễn Thị Thanh, bà Nguyễn Thị Bình, ông Nguyễn Đình Lai, bà Nguyễn Thị Bé mỗi người được hưởng kỷ phần thừa kế của cụ Mơ và cụ Nụ là 257.867.200 đồng.

Bà Nguyễn Thị Xiêm, chị Nguyễn Thị Hạnh, chị Nguyễn Thị Hà, anh Nguyễn Đình Hiệp là người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Đình Hoạch được hưởng kỷ phần thừa kế của cụ Mơ và cụ Nụ là $257.867.200 \text{ đồng} \times 3 = 773.601.600$ đồng.

Bà Nguyễn Thị Hoa, bà Nguyễn Thị Huyền, bà Nguyễn Thị Thu, bà Nguyễn Thị Hoàn, bà Nguyễn Thị Thanh đều thống nhất trình bày kỷ phần thừa kế được hưởng và tiêu chuẩn đất nông nghiệp được giao các bà tự nguyện cho ông Nguyễn Đình Lai quản lý sử dụng. Sự tự nguyện này là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Bà Nguyễn Thị Bé khai kỷ phần thừa kế được hưởng bà cho ông Nguyễn Đình Lai, tiêu chuẩn đất nông nghiệp bà xin nhận. Bà Nguyễn Thị Bình tự nguyện cho ông Nguyễn Đình Lai 1/2, cho bà Nguyễn Thị Xiêm 1/2 kỷ phần thừa kế được hưởng. Tiêu chuẩn đất nông nghiệp bà xin nhận. Xét yêu cầu của bà Bình, bà Bé là có căn cứ nên được chấp nhận.

Chị Nguyễn Thị Hạnh, chị Nguyễn Thị Hà đều khai về kỷ phần thừa kế được hưởng của ông Nguyễn Đình Hoạch các chị tự nguyện cho bà Nguyễn Thị Xiêm quản lý sử dụng. Tiêu chuẩn đất nông nghiệp các chị xin nhận lại. Sự tự nguyện này của chị Hạnh, chị Hà là đúng quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Anh Nguyễn Đình Hiệp còn nhỏ sống cùng với bà Xiêm nên kỷ phần thừa kế anh Hiệp được hưởng từ ông Hoạch sẽ giao bà Xiêm quản lý.

Đối với các tiêu chuẩn đất nông nghiệp các thành viên của hộ gia đình cụ Nguyễn Đình Mơ và cụ Lê Thị Nụ ai được hưởng sẽ phân chia theo tiêu chuẩn thực tế sử dụng

đất; Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu độc lập của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có căn cứ.

Đối với anh Nguyễn Đình Hữu và anh Nguyễn Đình Hoan, sinh năm 1992 đã chết năm 1992; tiêu chuẩn đất nông nghiệp các anh được hưởng giao cho bà Nguyễn Thị Xiêm quản lý sử dụng theo các quy định của pháp luật nếu có tranh chấp pháp sinh sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

Chia bằng hiện vật cụ thể như sau:

Do nguyên đơn và bị đơn đều có yêu cầu chia bằng hiện vật nên Hội đồng xét xử xem xét chia bằng hiện vật cho các đương sự như sau:

Đối với nguyên đơn là ông Nguyễn Đình Lai

Đất ở: ông Lai được hưởng kỷ phần thừa kế về giá trị quyền sử dụng đất ở của ông Lai, bà Hoa, bà Huyền, bà Thu, bà Hoàn, bà Thanh, bà Bé, $\frac{1}{2}$ kỷ phần của bà Bình; số tiền cụ thể là: $(190.025.454 \text{ đồng} \times 7) + (190.025.454 \text{ đồng} : 2) = 1.425.190.905$ đồng.

Chia hiện vật: $1.425.190.905 \text{ đồng} : 6.000.000 \text{ đồng}/1\text{m}^2 = 237,532\text{m}^2$ đất ở làm tròn.

Đất làm kinh tế gia đình: ông Lai được hưởng kỷ phần thừa kế về giá trị quyền sử dụng đất làm kinh tế gia đình của ông Lai, bà Hoa, bà Huyền, bà Thu, bà Hoàn, bà Thanh, bà Bé, $\frac{1}{2}$ kỷ phần của bà Bình; số tiền cụ thể là: $(36.293.454 \text{ đồng} \times 7) + (36.293.454 \text{ đồng} : 2) = 272.200.905$ đồng.

Chia hiện vật: $272.200.905 \text{ đồng} : 1.700.000 \text{ đồng}/1\text{m}^2 = 160,118\text{m}^2$ đất làm kinh tế gia đình làm tròn.

Đất nông nghiệp: ông Lai được hưởng kỷ phần thừa kế về giá trị quyền sử dụng đất nông nghiệp gia đình của ông Lai, bà Hoa, bà Huyền, bà Thu, bà Hoàn, bà Thanh; số tiền cụ thể là: $(31.530.620 \text{ đồng} \times 7) + (31.530.620 \text{ đồng} : 2) = 236.479.650$ đồng.

Chia hiện vật: $236.479.650 \text{ đồng} : 972.000 \text{ đồng}/1\text{m}^2 = 243,292\text{m}^2$ đất nông nghiệp làm tròn.

Đối với bị đơn là bà Nguyễn Thị Xiêm

Đất ở: Bà Xiêm được hưởng kỷ phần thừa kế về giá trị quyền sử dụng đất ở của ông Hoạch; công sức đóng góp, duy tu, quản lý di sản; $\frac{1}{2}$ kỷ phần của bà Bình; số tiền cụ thể là: $(190.025.454 \text{ đồng} \times 3) + (190.025.454 \text{ đồng} : 2) = 665.089.089$ đồng.

Chia hiện vật: $665.089.089 \text{ đồng} : 6.000.000 \text{ đồng}/1\text{m}^2 = 110,848\text{m}^2$ đất ở làm tròn.

Đất làm kinh tế gia đình: Bà Xiêm được hưởng kỷ phần thừa kế về giá trị quyền sử dụng đất làm kinh tế gia đình của ông Hoạch; công sức đóng góp, duy tu, quản lý di sản của người quản lý di sản; $\frac{1}{2}$ kỷ phần của bà Bình; số tiền cụ thể là: $(36.293.454 \text{ đồng} \times 3) + (36.293.454 \text{ đồng} : 2) = 127.027.089$ đồng.

Chia hiện vật: $127.027.089 \text{ đồng} : 1.700.000 \text{ đồng}/1\text{m}^2 = 74,722\text{m}^2$ đất làm kinh tế gia đình làm tròn.

Đất nông nghiệp: Bà Xiêm được hưởng kỷ phần thừa kế về giá trị quyền sử dụng đất làm kinh tế gia đình của ông Hoạch; công sức đóng góp, duy tu, quản lý di sản; $\frac{1}{2}$ kỷ phần của bà Bình; số tiền cụ thể là: $(31.530.620 \text{ đồng} \times 3) + (31.530.620 \text{ đồng} : 2) = 110.357.170$ đồng.

Chia hiện vật: $110.357.170 \text{ đồng} : 972.000 \text{ đồng}/1\text{m}^2 = 113,536 \text{ m}^2$ đất nông nghiệp làm tròn.

Về đất nông nghiệp:

Ông Nguyễn Đình Lai được quyền quản lý, sử dụng như sau: $243,292\text{m}^2$ (đất được hưởng thừa kế) + $178,414\text{m}^2$ (theo tiêu chuẩn thực tế sử dụng của ông Lai) + $63,618\text{m}^2$ (tiêu chuẩn thực tế sử dụng của bà Thanh, bà Thu, bà Hoa cho) = $485,324\text{m}^2$.

Do quá trình chia di sản thừa kế tính toán có làm tròn số nên diện tích đất thực tế sử dụng với diện tích đất nông nghiệp thực tế được chia có sai số là $0,832\text{m}^2$; Hội đồng xét xử xem xét tính vào phần diện tích đất nông nghiệp của bà Xiêm được hưởng.

Bà Nguyễn Thị Xiêm được quyền quản lý sử dụng như sau: $113,536\text{m}^2$ (đất được hưởng thừa kế của ông Hoạch) + $178,414\text{m}^2$ (theo tiêu chuẩn thực tế sử dụng của ông Hoạch) + $178,414\text{m}^2$ (theo tiêu chuẩn thực tế sử dụng của bà Xiêm) + $157,208\text{m}^2$ (theo tiêu chuẩn thực tế sử dụng của anh Hoan) + $157,208\text{m}^2$ (theo tiêu chuẩn thực tế sử dụng của anh Hữu) + $0,832\text{m}^2 = 785,612 \text{ m}^2$.

Bà Nguyễn Thị Xiêm đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Danh Quang diện tích 360m^2 đất nông nghiệp nên đối trừ vào diện tích đất nông nghiệp bà Xiêm được quyền quản lý sử dụng, diện tích đất còn lại là $425,612\text{m}^2$.

Bà Nguyễn Thị Bình được sử dụng $178,414\text{m}^2$ (theo tiêu chuẩn thực tế sử dụng của bà Bình).

Bà Nguyễn Thị Bé được sử dụng $178,414\text{m}^2$ (theo tiêu chuẩn thực tế sử dụng của bà Bé).

Chị Nguyễn Thị Hạnh được sử dụng $157,208 \text{ m}^2$ (theo tiêu chuẩn thực tế sử dụng của chị Hạnh).

Chị Nguyễn Thị Hà được sử dụng $157,208 \text{ m}^2$ (theo tiêu chuẩn thực tế sử dụng của chị Hà).

Đối với thửa đất số 177 tờ bản đồ số C-III, 177 diện tích đất theo đo đạc thực tế $504,9\text{m}^2$ trong đó diện tích đất ở là $348,38\text{m}^2$, diện tích đất làm kinh tế gia đình là $156,52\text{m}^2$.

Đối với diện tích đất mà gia đình ông Nguyễn Đình Lai như đã phân tích ở trên thể hiện Thửa 163/1: diện tích 424m^2 (đất giao theo Nghị định 64) đo thực tế là $411,18\text{m}^2$; thửa 163: diện tích 80m^2 (đất kinh tế gia đình hay còn gọi là đất 10%) đo thực tế là $78,32\text{m}^2$.

Căn cứ vào hiện trạng sử dụng đất cũng như ý kiến trình bày của đương sự Hội đồng xét xử xét thấy:

Đối với thửa đất số 177 tờ bản đồ số C-III, diện tích đất theo đo đạc thực tế $504,9\text{m}^2$ (trong đó diện tích đất ở là $348,38\text{m}^2$, diện tích đất làm kinh tế gia đình là $156,52\text{m}^2$) giao cho bà Nguyễn Thị Xiêm và ông Nguyễn Đình Lai quản lý sử dụng mỗi người $252,45\text{m}^2$ đất (trong đó diện tích đất ở là $174,19\text{m}^2$, diện tích đất làm kinh tế gia đình là $78,26 \text{ m}^2$). Do nhu cầu sử dụng đất của các đương sự nên mở lối đi chung vào thửa đất nêu trên với diện tích $35,9 \text{ m}^2$ đất (trong đó $24,77\text{m}^2$ đất ở, và $11,13\text{m}^2$ đất làm kinh tế gia đình làm tròn). Thực tế bà Xiêm được giao $166,805\text{m}^2$ đất ở và $72,695\text{m}^2$ đất làm

kinh tế gia đình. Thực tế ông Lai được giao 166,805m² m² đất ở và 72,695m² đất làm kinh tế gia đình.

Đối với thửa đất 163 đất làm kinh tế gia đình đo thực tế là 78,32m² giao cho ông Nguyễn Đình Lai quản lý sử dụng.

Như vậy diện tích đất ở và diện tích đất làm kinh tế gia đình ông Nguyễn Đình Lai giao như sau: tại thửa 177 tờ bản đồ số C-III, diện tích đất ở là 166,805m² và diện tích đất làm kinh tế gia đình là 72,695m². Tại thửa đất 163 diện tích đất làm kinh tế gia đình là 78,32m².

Bà Nguyễn Thị Xiêm được giao tại thửa 177 tờ bản đồ số C-III, diện tích đất ở là 166,805m² và diện tích đất làm kinh tế gia đình là 72,695m².

Xác định lối đi chung vào diện tích đất sử dụng của bà Nguyễn Thị Xiêm và ông Nguyễn Đình Lai là 35,9 m² đất (trong đó 24,77m² đất ở, và 11,13m² đất làm kinh tế gia đình làm tròn).

So với diện tích đất ở và đất làm kinh tế gia đình được giao với diện tích được chia thừa kế bà Xiêm phải thanh toán cho ông Lai giá trị quyền sử dụng đất ở còn thiếu là 63,342m² đất ở và 3,538m² đất làm kinh tế gia đình.

Về đất nông nghiệp:

Giao diện tích đất nông nghiệp tại Thửa đất số 290: diện tích 360m² tại xứ đồng Cổ Chày cho bà Nguyễn Thị Bình và bà Nguyễn Thị Bé được quản lý, sử dụng so với tiêu chuẩn các bà được hưởng là thừa 3,172m².

Giao diện tích đất nông nghiệp tại Thửa đất số 137/5: diện tích 605m² tại xứ đồng Thăn Châu; Thửa đất số 177/1: diện tích 103m² tại xứ đồng Thăn Châu; Thửa đất số 132b/6: diện tích 103m² tại xứ đồng Thăn Châu cho bà Nguyễn Thị Xiêm, chị Nguyễn Thị Hạnh, chị Nguyễn Thị quản lý, sử dụng so với kỹ phần thừa kế và các tiêu chuẩn bà Xiêm được hưởng là thừa 70,972m².

Giao diện tích đất nông nghiệp tại Thửa đất số 163/1: diện tích đo thực tế là 411,18m² tại khu Tây Tha cho ông Nguyễn Đình Lai quản lý, sử dụng; so với kỹ phần thừa kế và các tiêu chuẩn ông Lai được hưởng còn thiếu 74,144m².

Về thanh toán giá trị tài sản chênh lệch:

Trên diện tích đất giao cho ông Lai có các tài sản do gia đình bà Xiêm tạo dựng gồm có: 01 bếp, 01 nhà gạch, 01 tường gạch, 01 bể nước nổi, 01 cây bưởi theo biên bản định giá ngày 16/5/2019 các tài sản trên có giá trị như sau:

Bếp, nhà gạch: 1.068.000đồng/m² x 30,5m² = 32.574.000 đồng.

Sân gạch đỏ: 42.000 đồng/m² x 54,6m² = 2.293.200 đồng.

Bể nước mưa: 2.045.000 đồng.

Bể lọc: 1.023.000 đồng.

Tường gạch: 134.000 đồng

Tổng cộng: 38.069.200 đồng.

Về giá trị tiền đất chênh lệch bà Xiêm phải thanh toán cho ông Nguyễn Đình Lai gồm những khoản sau:

Đất ở là: 63,342m² x 6000.000 đồng/m² = 380.052.000 đồng

Đất làm kinh tế gia đình là: 3,538m² x 1.700.000 đồng/m² = 6.014.600 đồng

Đất nông nghiệp: $70,972\text{m}^2 \times 972.000 \text{ đồng/m}^2 = 68.984.784 \text{ đồng}$

Tổng cộng: 455.051.384 đồng

Đối trừ nghĩa vụ bà Xiêm phải thanh toán cho ông Lai số tiền: 455.051.384 đồng - 38.069.200 đồng = 416.982.184 đồng.

Bà Bình và bà Bé phải thanh toán cho ông Lai số tiền: Đất nông nghiệp: $3,172\text{m}^2 \times 972.000 \text{ đồng/m}^2 = 3.083.184 \text{ đồng}$; mỗi người thanh toán 1.541.592 đồng.

Chấp nhận sự tự nguyện các đ-ơng sự không đề nghị hủy hợp đồng chuyển nh-ợng quyền sử dụng đất ngày 19/10/2009 giữa bà Nguyễn Thị Xiêm và ông Nguyễn Danh Quang đối với diện tích 360m^2 đất nông nghiệp tại xứ đồng Cổ Chày. Buộc ông Quang phải thực hiện việc chuyển nh-ợng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Đối với ngõ đi chung giữa phần đất của cụ Mơ với phần đất của ông Kỷ tại phiên tòa ngày hôm nay ông Kỷ trình bày ngõ đi chung vào phần diện tích đất mà bà Nguyễn Thị Xiêm đang quản lý là đất của gia đình nhà ông, ông không đồng ý sử dụng chung. Hội đồng xét xử xét thấy phần ngõ đi chung hiện tại của thửa đất 177 của cụ Mơ với thửa đất 178 của gia đình ông Kỷ theo bản đồ địa chính xã Cát Quế cung cấp phần ngõ đi nằm phía Tây Nam của thửa đất giáp với thửa đất của bà Đắc nhưng ngõ đi hiện tại là phía Đông Bắc của thửa đất; trong quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều thừa nhận phần ngõ đi của thửa đất 177 hình thành từ thời ông, cha của cụ Mơ để lại. Bà Đắc là người giáp ngõ đi theo bản đồ khẳng định phần đất của gia đình cụ Mơ và ông Kỷ không để ngõ đi về phía Tây Nam, hiện nay gia đình bà đã xây tường bao giáp ranh hai thửa đất và hai bên không tranh chấp. Theo biên bản xác minh của Ủy ban nhân dân xã Cát Quế cung cấp quá trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và trích lục bản đồ đối với thửa đất 177 về phần lối đi ra đường không đúng với thực tế sử dụng đất, Ủy ban nhân dân xã đề nghị điều chỉnh lại trích lục thửa đất cho đúng thực tế. Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông Kỷ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm ông Kỷ không có yêu cầu độc lập về vấn đề này và cũng không xuất trình được tài liệu chứng cứ gì để chứng minh cho ý kiến trình bày của ông; tại phiên tòa hôm nay nên có căn cứ để xác định phần ngõ đi chung của thửa đất số 177 và 178 như đo vẽ hiện trạng sử dụng đất của các đương sự; sau này ông Kỷ có các tài liệu, chứng minh cho ý kiến của mình ông Kỷ có quyền khởi kiện bằng một vụ kiện dân sự khác.

Về ý kiến trình bày của ông Kỷ đối với di sản thừa kế của cụ Nguyễn Đình Mơ Hội đồng xét xử xét thấy thửa đất số 177 thửa đất số 177 tờ bản đồ số C-III, 177 diện tích đất theo đo đạc thực tế $504,9\text{m}^2$ trong đó diện tích đất ở là $348,38\text{m}^2$, diện tích đất làm kinh tế gia đình là $156,52\text{m}^2$; có địa chỉ tại xã Cát Quế, huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội đã được Ủy ban nhân dân huyện Hoài Đức cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Đình Mơ ngày 25/3/1992; về ngôi nhà cấp bốn gia đình bà Xiêm đã sửa chữa toàn bộ các đương sự không có yêu cầu chia di sản thừa kế nên có căn cứ xác định di sản của cụ Mơ và cụ Nụ để lại như phân tích ở trên.

Xét yêu cầu của ông Công, ông Bán thuê đất nông nghiệp của bà Xiêm.

Năm 2014 ông Công có thuê thửa đất nông nghiệp xứ đồng Cổ Chày của bà Xiêm diện tích 360m^2 , khi thuê hai bên không làm hợp đồng, mỗi năm ông trả

500.000đ, thời hạn thuê 5 năm, ông Công đã trả đủ số tiền trên, trên phần đất này ông Công đang trồng 14 cây táo, 20 cây ổi. Ông Công đồng ý di dời cây trồng nếu thửa đất giao cho ai theo quyết định của bản án.

Năm 2008 ông Bân có thuê thửa đất ở xứ đồng Thăm Châu của bà Xiêm diện tích 696m², khi thuê hai bên không làm hợp đồng, mỗi năm ông trả 2.000.000đ, thửa đất này giao cho ai mà yêu cầu ông di dời cây để trả đất ông nhất trí. Sự thỏa thuận của ông Công và ông Bân là sự tự nguyện và đúng quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn và sửa án sơ thẩm.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên tòa ngày hôm nay phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Về án phí:

Về án phí sơ thẩm: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Về án phí phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 308; Điều 147; Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 186, 192, 189, 500, 501, 502, 623, 649, 650, 618, 651, 653 và điều 654, 660 của Bộ luật dân sự năm 2015.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.
- Án lệ số 05/2016/AL của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 06/4/2016.

Xử:

1. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 21/2019/DSST ngày 29/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện Hoài Đức và quyết định cụ thể như sau:

1.1. Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế và đòi tài sản của ông Nguyễn Đình Lai.

1.2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Nguyễn Thị Thu, bà Nguyễn Thị Bé, bà Nguyễn Thị Thanh, bà Nguyễn Thị Bình.

1.3. Xác định di sản của cụ Nguyễn Đình Mơ và cụ Lê Thị Nụ để lại gồm:

Giá trị quyền sử dụng đất quyền sử dụng 348,38m² đất ở và 234,84 m² giá trị quyền sử dụng đất làm kinh tế phụ gia đình. Cụ thể: tại thửa đất số 177 tờ bản đồ số C-III, diện tích đất theo đo đạc thực tế 504,9m² trong đó diện tích đất ở là 348,38m², diện tích đất làm kinh tế gia đình là 156,52m²; tại thửa 163: theo đo đạc thực tế đất làm kinh tế gia đình là 78,32m²; các thửa đất nêu trên có địa chỉ tại xã Cát Quế, huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội.

Giá trị quyền sử dụng đất nông nghiệp là 356,828m² tại xã Cát Quế, huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội.

Chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Đình Mơ và cụ Lê Thị Nụ được chia theo pháp luật.

1.4. Xác định công sức đóng góp, duy tu, quản lý di sản của người quản lý di sản của ông Nguyễn Đình Hoạch và bà Nguyễn Thị Xiêm được tính bằng hai phần kỷ phần thừa kế.

1.5. Xác định cụ Lê Thị Nụ, sinh năm 1940, chết ngày 24/9/2003. Xác nhận thời điểm mở thừa kế của cụ Nụ vào ngày 24/9/2003.

1.6. Xác định cụ Nguyễn Đình Mơ (Nguyễn Đình Mai), sinh năm 1938, chết ngày 25/3/2006. Xác nhận thời điểm mở thừa kế của cụ Mơ vào ngày 25/3/2006.

1.7. Xác định ông Nguyễn Đình Hoạch, sinh năm 1967, chết ngày 01/5/ 2013. Xác định thời điểm mở thừa kế của ông Hoạch vào ngày 01/5/2013.

1.8. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Mơ, cụ Nụ gồm: bà Nguyễn Thị Hoa, bà Nguyễn Thị Hoàn, ông Nguyễn Đình Hoạch, bà Nguyễn Thị Thu, bà Nguyễn Thị Thanh, bà Nguyễn Thị Bình, bà Nguyễn Thị Huyền, ông Nguyễn Đình Lai, bà Nguyễn Thị Bé.

1.9. Xác định hàng thừa kế của ông Hoạch gồm: Bà Nguyễn Thị Xiêm, chị Nguyễn Thị Hà, chị Nguyễn Thị Hạnh, anh Nguyễn Đình Hiệp.

1.10. Chấp nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Hoa, bà Nguyễn Thị Huyền, bà Nguyễn Thị Thu, bà Nguyễn Thị Hoàn, bà Nguyễn Thị Thanh cho ông Nguyễn Đình Lai ký phần thừa kế được hưởng và tiêu chuẩn đất nông nghiệp.

1.11. Chấp nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Bình cho ông Nguyễn Đình Lai $\frac{1}{2}$ di sản thừa kế, cho bà Nguyễn Thị Xiêm $\frac{1}{2}$ di sản thừa kế.

1.12. Chấp nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Bé cho ông Nguyễn Đình Lai ký phần thừa kế được hưởng.

1.13. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị Hạnh, chị Nguyễn Thị Hà, cho bà Nguyễn Thị Xiêm, anh Nguyễn Đình Hiệp ký phần thừa kế được hưởng.

1.14. Phân chia trị giá di sản thừa kế của cụ Nguyễn Đình Mơ và cụ Nguyễn Thị Nụ như sau:

Giá trị đất ở là: 2.090.280.000 đồng : 11 = 190.025.454 đồng (làm tròn).

Giá trị đất làm kinh tế gia đình là: 399.228.000 đồng : 11 = 36.293.454 đồng (làm tròn).

Giá trị đất nông nghiệp 346.836.816 đồng : 11 = 31.530.620 đồng (làm tròn).

Bà Nguyễn Thị Hoa, bà Nguyễn Thị Huyền, bà Nguyễn Thị Hoàn, bà Nguyễn Thị Thu, bà Nguyễn Thị Thanh, bà Nguyễn Thị Bình, ông Nguyễn Đình Lai, bà Nguyễn Thị Bé mỗi người được hưởng kỷ phần thừa kế của cụ Mơ và cụ Nụ là 257.867.200 đồng.

Bà Nguyễn Thị Xiêm, chị Nguyễn Thị Hạnh, chị Nguyễn Thị Hà, anh Nguyễn Đình Hiệp là người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Đình Hoạch là người được hưởng kỷ phần thừa kế của cụ Mơ và cụ Nụ là 257.867.200 đồng x 3 = 773.601.600 đồng.

1.15. Phân chia hiện vật:

* Về đất ở:

- Giao cho đình ông Nguyễn Đình Lai được quản lý sử dụng tại thửa 177 tờ bản đồ số C-III diện tích đất ở là $166,805\text{m}^2$ và diện tích đất làm kinh tế gia đình $72,695\text{m}^2$; tại thửa đất 163 diện tích đất làm kinh tế gia đình là $78,32\text{m}^2$.

- Giao cho bà Nguyễn Thị Xiêm được quản lý sử dụng tại thửa 177 tờ bản đồ số C-III, diện tích đất ở là $166,805\text{m}^2$ và diện tích đất làm kinh tế gia đình $72,695\text{m}^2$.

- Xác định lối đi chung vào diện tích đất sử dụng của bà Nguyễn Thị Xiêm và ông Nguyễn Đình Lai là $35,9\text{m}^2$ đất (trong đó $24,77\text{m}^2$ đất ở, và $11,13\text{m}^2$ đất làm kinh tế gia đình làm tròn).

- Xác định phần ngõ đi chung của thửa đất 177 và 178 có diện tích $39,7\text{m}^2$ chiều rộng $2,29\text{m}$ và $2,24\text{m}$, chiều dài $17,50\text{m}$ và $17,58\text{m}$.

- Các thửa đất nêu trên có địa chỉ tại xã Cát Quế, huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội.

Có sơ đồ kèm theo bản án.

*** Về đất nông nghiệp:**

- Giao diện tích đất nông nghiệp có diện tích 360m^2 tại xứ đồng Cổ Chày cho bà Nguyễn Thị Bình và bà Nguyễn Thị Bé được quản lý, sử dụng; so với tiêu chuẩn các bà được hưởng thửa $3,172\text{m}^2$.

- Giao diện tích đất nông nghiệp tại Thửa đất số 137/5: diện tích 605m^2 tại xứ đồng Thẩn Châu; Thửa đất số 177/1: diện tích 103m^2 tại xứ đồng Thẩn Châu; Thửa đất số 132b/6: diện tích 103m^2 tại xứ đồng Thẩn Châu cho bà Nguyễn Thị Xiêm, chị Nguyễn Thị Hạnh, chị Nguyễn Thị Hà quản lý, sử dụng; so với kỹ phần thừa kế và tiêu chuẩn đất nông nghiệp mà bà Xiêm được hưởng thửa $70,972\text{m}^2$.

- Giao diện tích đất nông nghiệp tại Thửa đất số 163/1: diện tích đo thực tế là $411,18\text{m}^2$ tại khu Tây Tha cho ông Nguyễn Đình Lai quản lý sử dụng so với kỹ phần thừa kế và các tiêu chuẩn đất nông nghiệp mà ông Lai được hưởng còn thiếu $74,144\text{m}^2$.

Tổng cộng ông Nguyễn Đình Lai được giao quản lý sử dụng diện tích $559,5\text{m}^2$ ($411,18\text{m}^2$ đất nông nghiệp + đất làm kinh tế gia đình là $78,32\text{m}^2 + 70\text{m}^2$ đất mua của ông Toàn) tại xứ đồng Tây Tha và giao cho vợ chồng ông Lai, bà H-ông sở hữu nguyên vật liệu của 01 nhà 2 tầng diện tích $59,1\text{m}^2$, khu chăn nuôi diện tích $191,6\text{m}^2$, 01 bể n-ớc m-a diện tích $8,3\text{m}^3$, nhà gạch $19,1\text{m}^2$, sân bê tông diện tích 83m^2 , 02 cánh cổng sắt, 11 cây b-ởi. **Có sơ đồ kèm theo bản án.**

*** Các đ-ợng sự phải thanh toán cho nhau chênh lệch giá trị về tài sản như sau:**

Bà Xiêm phải thanh toán cho ông Lai số tiền 416.982.184 đồng.

Bà Bình và bà Bé phải thanh toán cho ông Lai số tiền 3.083.184 đồng; mỗi người thanh toán 1.541.592 đồng.

Chấp nhận sự tự nguyện các đ-ợng sự không đề nghị hủy hợp đồng chuyển nh-ợng quyền sử dụng đất ngày 19/10/2009 giữa bà Nguyễn Thị Xiêm và ông Nguyễn Danh Quang đối với diện tích 360m^2 đất nông nghiệp tại xứ đồng Cổ Chày. Buộc ông Quang và bà Xiêm phải thực hiện việc chuyển nh-ợng quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Buộc ông Nguyễn Đình Bân, ông Nguyễn Duy Công phải tự di dời cây cối, tài sản ra khỏi các thửa đất nông nghiệp khi chủ sử dụng đất yêu cầu.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành) cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015

2. Về án phí:

2.1. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Đình Lai phải chịu 71.216.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ 3.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0008692 ngày 04/3/2019 và 300.000 đồng biên lai thu số 0008844 ngày 23/4/2019. Ông Lai còn phải nộp số tiền 67.916.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Xiêm phải chịu 40.247.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Nguyễn Thị Bé phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, bà Bé đã nộp số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu số 0008842 lập ngày 23/4/2019, nay chuyển thành án phí.

Bà Nguyễn Thị Bình phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, bà Bình đã nộp số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã tại biên lai thu số 0008845 lập ngày 23/4/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoài Đức, nay chuyển thành án phí.

Chị Nguyễn Thị Hạnh phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị Hà phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả bà Nguyễn Thị Thu số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008843 lập ngày 23/4/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoài Đức.

Hoàn trả bà Nguyễn Thị Thanh số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008841 lập ngày 23/4/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoài Đức.

Kể từ khi thanh toán xong các khoản tiền, các đương sự có quyền đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục đăng ký kê khai quyền sử dụng đất theo diện tích đất được chia theo quyết định bản án của Tòa án.

2.2. Án phí phúc thẩm: các đương sự không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Đình Lai số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm tại biên lai thu số 0009177 lập ngày 12/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội (Bút lục số 301).

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Xiêm số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm tại biên lai thu số 0009157 lập ngày 06/9/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoài Đức, Thành phố Hà Nội (Bút lục số 305).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 của luật thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Tòa tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND huyện Hoài Đức;
- Chi cục THADS huyện Hoài Đức;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Như Lâm